TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PL** **TỈNH BL**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/DS-ST
Ngày: 05/5/2023
V/v T*ranh chấp hợp đồng vay tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL, TỈNH BL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Hồng Lành

Ông Đặng Văn Chiểu

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố BL, tỉnh BL

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL tham gia phiên toà:* Bà Đoàn Vũ Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 05 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 220/2022/TLST- DS ngày 21 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, To Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Kim X, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp 2A, xã Phong Thạnh Tây B, huyện PL, tỉnh BL.

- *Bị đơn*: Bà Đoàn Thị T; địa chỉ: Ấp Long Đức, thị trấn PL, huyện PL, tỉnh BL.

(*Bà Nguyễn Thị Kim X có đơn xin xét xử vắng mặt; bà Đoàn Thị T vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

To đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim X trình bày: Do quen biết với nhau nên bà X có cho bà T vay tiền tính đến ngày 09/02/2022, bà Đoàn Thị T có nợ bà X số tiền là 120.000.000 đồng. Do đó, vào ngày 10/02/2022 bà T có ký giấy nhận nợ và cam kết trả nợ, cụ thể là:

- Kỳ thứ nhất vào tháng 4/2022, bà T sẽ thanh toán 40.000.000 đồng;

- Kỳ thứ hai vào tháng 9/2022, bà T sẽ thanh toán 40.000.000 đồng;

- Kỳ thứ ba bà T sẽ thanh toán số tiền còn lại 40.000.000 đồng.

Sau khi ký cam kết thì bà T không thực hiện trả cho bà X bất cứ khoản tiền nào To như thỏa thuận. Do đó, bà Nguyễn Thị Kim X khởi kiện yêu cầu bà Đoàn Thị T có trách nhiệm trả lại bà X số tiền còn thiếu là 120.000.000 đồng. Tại đơn khởi kiện thì bà X yêu cầu bà T trả tiền lãi To quy định của pháp luật. Tuy nhiên bà T xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi, chỉ yêu cầu bà T trả số nợ gốc là 120.000.000 đồng.

Trong quá trình tiến hành tố tụng: Bị đơn bà Đoàn Thị T đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông báo về việc thu thập tài liệu, chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa To đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà T vẫn không có mặt và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân To pháp luật tố tụng của Thẩm phán; Hội đồng xét xử đúng To quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim X đối với bà Đoàn Thị T, buộc bà T có trách nhiệm trả cho bà X số tiền nợ gốc là 120.000.000 đồng. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà X về yêu cầu tính lãi To quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim X tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn bà Đoàn Thị T To quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn có địa chỉ tại ấp Long Đức, thị trấn PL, huyện PL, tỉnh BL nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL To quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim X có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn bà Đoàn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt bà X, bà T là phù hợp To quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Quá trình giải quyết vụ án bà X xác định có cho bà T vay nợ với tổng số tiền 120.000.000 đồng, đến ngày 10/02/2022 các bên có ký "*Giấy nhận nợ*" thể hiện nội dung bà X cho bà T vay tiền To như lời trình bày của bà X. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà T không hợp tác, không có mặt To giấy triệu tập của Tòa nên không có ý kiến trình bày đối với chứng cứ do bà X cung cấp (giấy nhận nợ).

To quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân *sự "Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp.." và* Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự*"Một nên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*.

Căn cứ vào các quy định trên, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình thì bà X đã cung cấp "*Giấy nhận nợ"* có chữ ký của bà T và chứng cứ cũng được thông báo cho bà T được biết nhưng bà T không có ý kiến phản đối gì. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đã được quy định nêu trên thì "*Giấy nhận nợ*" đề ngày 10/02/2022 là tài liệu, chứng cứ không phải chứng minh To quy định pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ để xác định bà T có vay của bà X số tiền 120.000.000 đồng To như lời trình bày của bà X là có căn cứ.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính tiền lãi To quy định pháp luật đối với số tiền cho bà T vay 120.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện và không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244, điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính tiền lãi.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận khởi kiện của bà X về việc yêu cầu bà T trả nợ vay với số tiền 120.000.000 đồng; đình chỉ việc rút đơn của bà X đối với yêu cầu tính lãi To quy định số tiền vay trên; xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL là có căn cứ nên

Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của bà X đối với bà T được Tòa án chấp nhận, số tiền án phí là 6.000.000 đồng; bà X không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 93; Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 2 Điều 227 khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 463; Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim X đối với bà Đoàn Thị T.

2. Buộc bà Đoàn Thị T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Kim X số tiền nợ gốc là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án To mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim X đối với yêu cầu tính tiền lãi To quy định pháp luật đối với số tiền nợ gốc 120.000.000 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Đoàn Thị T phải chịu án phí 6.000.000 đồng; Bà Nguyễn Thị Kim X không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim X số tiền án tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 đồng To biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005604 ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh BL.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành To quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án To quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện To quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Án xử sơ thẩm công khai, bị đơn có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết To quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện PL;
- THADS huyện PL;
- TAND tỉnh BL;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Triệu Thanh Liêm